

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2020.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lâm Minh Lâm

2. Ông Thái Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiệp – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Mẫn - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 343/2020/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Ton N, sinh năm 1994. Nơi cư trú: tổ 4, ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”

Bị đơn: Anh Đào Văn R, sinh năm 1989; Nơi cư trú: tổ 4, ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. “Vắng mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 09/6/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn- Chị Ton N trình bày: Chị và Anh Đào Văn R chung sống từ năm 2008, đến năm 2017 mới đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh ra mâu thuẫn, do Anh R thường xuyên ăn nhậu dẫn đến nợ nần. Anh R làm mướn nhưng làm được bao nhiêu tiền dùng hết vào việc ăn nhậu. Từ đầu năm đến nay Anh R làm tại cửa hàng vật liệu xây dựng, nhưng làm được 3,4 tháng thì nghỉ vì nhậu nhiều làm không nổi, hiện nay Anh R ở nhà không đi làm gì. Mọi chi tiêu trong gia đình do mình chị lo, tiền xây nhà do chị hót hụi và tích

góp được, Anh R không phụ giúp cũng không quan tâm gì đến vợ con. Chị nhiều lần khuyên nhủ nhưng Anh R không nghe nên vợ chồng cự cãi. Anh chị ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay, chị về nhà cha mẹ ruột còn Anh R ở nhà riêng của vợ chồng. Từ khi ly thân đến nay anh chị có gặp mặt nhau nhưng không nói chuyện, không hòa giải để giải quyết mâu thuẫn. Do vợ chồng ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể hàn gắn về chung sống lại, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh R.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Đào Văn R1, sinh ngày 31/12/2009. Hiện nay con chung sống với chị, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Bị đơn Anh Đào Văn R đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không gửi cho Tòa án biên bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo thủ tục Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về ý kiến giải quyết vụ án: Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị N, xử cho Chị Ton N được ly hôn với Anh Đào Văn R. Về con chung: Đề nghị giao con chung tên Đào Văn R1, sinh ngày 31/12/2009 cho Chị N nuôi dưỡng, Anh R không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết, nợ chung: Chị N khai không có. Chị N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 22/7/2020 Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Anh R đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng Anh R từ chối nhận tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, có xác nhận của chính quyền địa phương nên thuộc trường hợp vắng mặt phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất

khả kháng và trở ngại khách quan. Ngày 22/7/2020 Chị N có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt Chị N, Anh R.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, Anh R chung sống với nhau từ năm 2008, đăng ký kết hôn ngày 26/9/2017, tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Xét thấy quá trình chung sống, anh chị bất đồng quan điểm, thường hay gây gổ, cự cãi nhau về vấn đề tiền bạc, không cùng nhau bàn bạc làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Anh R đi làm nhưng không đưa tiền phụ Chị N chăm lo gia đình mà tiêu xài cá nhân. Anh chị ly thân từ tháng 03/2020 cho đến nay, tuy có gặp nhau nhưng không nói chuyện, không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Qua xác minh địa phương xác nhận hiện Chị N, Anh R có hộ khẩu tại tổ 4, ấp Ô, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Anh R có báo chính quyền địa phương việc Chị N làm đơn ly hôn và cho biết vợ chồng mâu thuẫn do Anh R ghen tuông, mất lòng tin do đó, Anh R không đưa tiền cho Chị N nên chị làm đơn ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa Chị N, Anh R đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị N, xử cho chị được ly hôn với Anh R là phù hợp Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Từ khi ly thân đến nay cháu R1 sống với Chị N, tâm tư tình cảm của cháu gắn liền với Chị N, Chị N rất quan tâm đến cuộc sống và việc học hành của cháu, qua lấy lời khai cháu R1 có nguyện vọng sống chung với mẹ, ngược lại Anh R bỏ bê không quan tâm chăm sóc con cái. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu R1 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Chị N, giao cháu R1 cho Chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, là phù hợp với Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu nên ghi nhận.

[4] Về tài sản: Chị N khai không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Quá trình tham gia tố tụng Anh R không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp các chứng cứ chứng minh, phản bác lại ý kiến của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa, xét thấy: Đây là đề nghị có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 91, Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Ton N, xử cho Chị Ton N được ly hôn với Anh Đào Văn R.

2. Về con chung: Giao cháu Đào Văn R1, sinh ngày 31/12/2009 cho Chị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh R không phải cấp dưỡng nuôi con do Chị N không yêu cầu. Sau khi ly hôn Anh R có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Ton N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm; nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007138 ngày 19/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Chị N đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện C;
- THADS huyện C;
- Đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: Tập án, Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Hương